

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26-6-2019

V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thanh Thuý và ông Lê Quốc Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 37, đường T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho anh Vũ Ngọc Đ: Anh Vũ Huy T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số nhà 33, Ngõ 67, Ngách 67, tập thể N, đường P, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội - là anh trai, người giám hộ của anh Đ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/01/2019, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị N; bản tự khai, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Vũ Ngọc Đ và các tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án; lời khai của nguyên đơn, lời khai của đại diện cho bị đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N kết hôn với anh Vũ Ngọc Đ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24-12-2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

* Theo chị N nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Sau khi kết hôn, chị và anh Đ chung sống cùng với gia đình chồng được khoảng 02 năm thì vợ chồng ăn riêng, ở nhà riêng nhưng vẫn trong cùng thửa đất với gia đình chồng. Vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có hạnh phúc vì anh Đ nhận thức hạn chế, hay uống rượu, mắng chửi chị vô cớ. Đến năm 2015, gia đình anh Đ gây áp lực do chị có 01 con riêng (cháu Vũ Trần Khánh C) với người đàn ông khác nên đã đuổi hai mẹ con chị ra khỏi nhà, chị đã ra ngoài thuê nhà riêng để ở cùng với con, chị N và anh Đ ly thân từ tháng 6/2015 cho tới nay. Đến tháng 11/2018, anh Đ được gia đình đưa vào Bệnh viện tâm thần Trung ương I để khám và điều trị, bệnh viện kết luận anh Đ bị rối loạn tâm thần mạn tính/châm phát triển tâm thần mức độ nặng, mã bệnh F72 nên chị đã làm đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lý Nhân tuyên bố anh Đ là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, Toà án đã chỉ định anh Vũ Huy T (anh trai anh Đ) là người giám hộ cho anh Đ.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Vũ Ngọc Đ.

* Theo anh Vũ Huy T - người đại diện hợp pháp và là người giám hộ cho anh Vũ Ngọc Đ: Sau khi lấy nhau về được một thời gian ngắn thì chị N không tôn trọng gia đình chồng, coi thường anh Đ, gọi anh Đ là “thằng ngẩn ngơ”, gia đình anh muốn vợ chồng anh chị hoà thuận, hạnh phúc nên nhiều lần động viên, khuyên bảo chị N để chị N đối xử tốt với chồng nhưng chị N không thay đổi cách đối xử với chồng. Đến tháng 6/2015, gia đình anh nhận thấy chị N cư xử không đúng mực, không tôn trọng anh Đ nên gia đình anh đã đuổi chị N ra khỏi nhà, chị N ra ngoài thuê nhà riêng để ở, sống ly thân với anh Đ cho tới nay, hai bên chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Tháng 11/2018, anh Đ được gia đình đưa vào Bệnh viện tâm thần Trung ương I để khám và điều trị, bệnh viện kết luận anh Đ bị rối loạn tâm thần mạn tính/châm phát triển tâm thần mức độ nặng, mã bệnh F72. Chị N có đơn yêu cầu Toà án tuyên bố anh Đ là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Do bố mẹ anh đều đã mất, anh là con cả trong gia đình nên Toà án huyện Lý Nhân đã chỉ định anh là người giám hộ cho anh Đ. Nay chị N có đơn ly hôn với anh Đ, anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị N - anh Đ được ly hôn nhau.

- Về con:

+ Con chung: Chị N, anh T đều xác nhận vợ chồng chị N - anh Đ không có con chung.

+ Con riêng: Chị N, anh T đều xác nhận chị N có 01 con riêng là cháu Vũ Trần Khánh C, sinh ngày 18/3/2010, do chị N đang nuôi dưỡng.

Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị N, anh T đều đề nghị chị N phải tự chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu C cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, anh Đ không phải có trách nhiệm gì với cháu C.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh T đều xác định vợ chồng chị N - anh Đ không có tài sản chung nên đều không yêu cầu Toà án phải xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án phải xem xét, giải quyết.

Chị N có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nên Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Trần Thị N khai:

Về quan hệ hôn nhân: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung nên chị không yêu cầu Toà án phải xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Chị đã đưa cháu Vũ Trần Khánh C và anh Vũ Ngọc Đ đi giám định ADN theo yêu cầu của Toà án. Kết quả giám định ADN xác định cháu C không phải là con của anh Đ nên chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải có trách nhiệm gì đối với cháu C.

Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị không yêu cầu Toà án phải xem xét, giải quyết.

- Người đại diện hợp pháp, đồng thời là người giám hộ cho bị đơn (anh Vũ Ngọc Đ), anh Vũ Huy T khai:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Toà án giải quyết cho chị N và anh Đ ly hôn nhau.

Về con: Vợ chồng anh Đ - chị N không có con chung nên anh không yêu cầu Toà án phải giải quyết. Đối với cháu C là con riêng của chị N, sau khi ly hôn chị N tự chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu C, anh Đ không phải có trách nhiệm gì với con riêng của chị N.

Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị N - anh Đ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con: Chị N - anh Đ không có con chung nên không phải xem xét, giải quyết. Con riêng của chị N là cháu C do chị tự chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, anh Đ không phải có trách nhiệm gì.

Về tài sản, công nợ chung, các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Vũ Ngọc Đ là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam vào năm 2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do anh Đ chậm phát triển trí tuệ, khả năng nhận thức hạn chế nên chị N coi thường, đối xử không tốt với anh Đ, từ tháng 6/2015 vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm tới cuộc sống chung. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, như ý kiến của các đương sự.

[3] Về con:

- Con chung: Vợ chồng chị Trần Thị N - anh Vũ Ngọc Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

- Con riêng: Theo kết luận giám định ADN ngày 24/4/2019 của Trung tâm Phân tích ADN và Công nghệ Di truyền - số 445 Đ, BĐ, Hà Nội, đối với cháu Vũ Trần Khánh C, sinh ngày 18/3/2010 - anh Vũ Ngọc Đ, sinh ngày 29/6/1979, kết luận cháu Vũ Trần Khánh C không phải là con của anh Vũ Ngọc Đ. Căn cứ vào kết luận giám định ADN, Hội đồng xét xử xác định cháu Vũ Trần Khánh C là con riêng của chị Trần Thị N, theo quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, sau khi ly hôn chị N phải tự chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu C, anh Đ không phải có trách nhiệm gì với con riêng của chị N, phù hợp với ý kiến của các đương sự và các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị N phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị N và anh Vũ Ngọc Đ.

2. Về con:

- Con chung: Chị Trần Thị N - anh Vũ Ngọc Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

- Con riêng: Giao cháu Vũ Trần Khánh C, sinh ngày 18/3/2010 là con riêng của chị Trần Thị N cho chị N chịu trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới khi cháu C đủ 18 tuổi, tự lập. Anh Vũ Ngọc Đ không phải có trách nhiệm gì với cháu C.

3. Về tài sản và nợ chung, các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2010/04085 ngày 30/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND thị trấn V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đình Thành Nam